

《雜阿含.九六二經》與〈To Vacchagotta on Fire〉之比較

Sutra 962 of Samyukta Āgama: With Vacchagotta on Fire

目次

一、 前言.....	2
二、 《雜阿含·九六二經》中英對照文獻.....	5
三、 南北經典之差異對修行者的影響.....	55
四、 結論.....	57
五、 參考資料.....	58

一、前言

大部分學者們均知《雜阿含經》(Samyukta Āgama)是初期佛教的基本經典「四阿含」之一。在四阿含中，雜阿含是依佛法教類五蘊、六入處、界、因緣、四諦、三十七道品等。將眾多相應的段經編成集，二匯為一部。漢譯《雜阿含經》推定為根本說一切有部傳本。《雜阿含經》文章精簡雜錄，現存一千三百五十九篇經文，乃佛陀在世時對弟子所說的重要教理。

本文欲探討的主題，並非是涅槃的涵義，而是想釐清北傳的《雜阿含·九六二經》中所說的內容，其與南傳經典是否相應。從這幾個問題作為閱讀《雜阿含經》的起點。當筆者開始搜尋的時候，發現在 sutra center 的網站有列出《雜阿含·九六二經》的諸譯本。但是因為筆者能力不足無法把全部各種語言的譯本做完成，所以只選出南傳英本〈Aggivacchagotta Sutta - To Vacchagotta on Fire〉由 Bhikkhu Sujato 翻譯，此與北傳雜阿含經典來探討。

透過 cbeta 的搜尋，漢譯《中阿含經》有兩個版本《雜阿含·九六二經》(大正 2.245.)與《別譯雜阿含·九六二經》(大正 2.444.)，其中《別譯雜阿含·一九五經》的內容非常貼近南傳藏經的，所以也可以值得參考。可惜筆者找不到譯者的名稱，由於並不列在對照裡頭。根據《雜阿含·九六二經》的記載：「如是我聞：一時，佛住王舍城迦蘭陀竹園。」¹ 以及南傳英譯文獻〈with Vacchagotta on Fire〉中：“ Thus have I heard . On one occasion the Blessed One was living at Savatthi in Jeta’s Grove, Anathapindika’s Park. .”² 發現此二者的內容有幾個地方落差。因此筆者嘗試並藉由對讀工具來瞭解二者的見解以及其相關資料是否能值得討論的地方。經過對讀之後，此二者顯出在義理思想中亦有問題，譬如在《雜阿含·九六二經》指出四聖諦「如來所見已畢。婆蹉種出家!然如來見，謂見此苦聖諦、此苦集聖諦、此苦滅聖諦、此苦滅道跡聖諦」，另外在南傳大藏經的記載說是五蘊 (form ,feeling, perception, formations, consciousness -rūpam, vedanā, saññā, saṅkhārā,viññānam) 等等。因此不只佛陀住的地點有落差，而且文獻所顯示的所「見」的內容亦異同。果然對讀之後，發現不只佛陀住的地點有落差，而且文獻所顯示的所「見」之異同。在於對讀成果顯示：漢譯所「見」指的是十四無記，四聖諦（苦、集、滅、道）之倒見，乃至憂悲苦惱，這些見斷滅之後導致寂靜、清涼、真實。但英譯本顯示所「見」

1 《雜阿含經》卷 34 (CBETA 2019.Q1, T02, no. 99, p. 245b26-27)

2 <https://suttacentral.net/search> - With Vacchagotta - Bhikkhu Sujato 譯

為五蘊（色、受、想、行、識）與十無記的見解，佛陀說：『對一切妄想、一切顛倒、一切我見、我所見、慢煩惱潛在導向，從滅盡、離欲、等等，如來由不執取而得解脫』
Therefore, I say, with the destruction, fading away, cessation, giving up, and relinquishing of all conceivings, all excogitations, all I-making, mine-making, and the underlying tendency to conceit, the Tathagata is liberated through not clinging.” Tasmā tathāgato sabbamaññitānaṃ sabbamathitānaṃ sabbaahaṅkāramaṅkāramānānusayānaṃ khayā virāgā nirodhā cāgā paṭinissaggā anupādā vimuttoti vadāmi”ti. 可見，南北文獻大致上具有共同的人物、地點，但南傳文獻〈所見〉的內容比較接近解脫涅槃的觀念。

本計畫以漢譯《雜阿含.九六二經》為主體，整合二種英譯(Bhikkhu Sujato 譯)To Vacchagotta on Fire 及巴利文本，其中《雜阿含.962 經》同時結合了窺基所撰之《中阿含.175 經》，在英譯本與巴利本是以南傳漢譯莊春江及越南文明珠法師為參考本。本資料庫在文本部分，用紅色字來表達對應的用詞，並插入輔讀文字與以註腳標示方式附加編者註，從而看到此二部經的差異。整體而言，本資料庫之主要功能包含：文本內容檢索、文本對應字詞標示、輔讀夾字、註腳標示。

二、《雜阿含·九六二經》中英對照文獻

根據 cbeta 的搜尋，《雜阿含.九六二經》在 435~443 年代由劉宋求那跋陀羅編譯。這本經裡頭有一個人叫 Vacchagotta，他問佛陀關於無記的問題，所以佛陀說：「我沒有這麼說」然後佛陀說因為：它有苦的，就不會導向涅槃、不導向厭、離貪、滅、寂靜、證智、正覺、涅槃。接著 Vacchagotta 問佛陀有什麼見解。佛陀說他看到的，看到的是漢譯跟巴利有一點不一樣。基本上漢譯有兩個版本，一個藏本，巴利有一個講的都不太一樣。所以後來就，接著他們對話。我們先看他們的漢英譯本的義理思想。這裡的義理思想有什麼不同，一下筆者透過對讀方法，並以中文內容取用《雜阿含.第三十四卷》內之《九六二經》文字劉宋求那跋陀羅譯，而英文內容取自 To Vacchagotta on Fire 來比較，以下本文主要以中英為對讀文本的內容。同時結合參考巴利文本及越文譯本的文獻。一下對應表：

1. 漢譯 《雜阿含經·九六二》 (T02, No. 99)	英譯 With Vacchagotta on Fire, Bhikku Nanamol 與 Bodhi Bhikku 譯	巴利文 Majjhima nikāya 72 Aggivacchasutta	參考 72.Kinh Vacchagotta về Lửa 明珠法師譯
2. 如是我聞：一時，佛住 <u>王舍城</u> 迦蘭陀竹園。	Thus have I heard . On one occasion the Blessed One was living at Savatthi in Jeta's Grove, Anathapindika's Park.	evaṃ me sutam ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharatijetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. ³	Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvattthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc)
爾時，婆蹉種出家來詣佛所，與世尊[7]面相問訊，問訊已，退坐一面，白佛言：	Then the wanderer Vacchagotta went to the Blessed One [484] and exchanged greetings with him. When this courteous and amiable talk was finished, he sat down at one side and asked the Blessed One:	Atha kho vacchagotto paribbājako yena bhagavātenupasaṅkamī; upasaṅkamitvā bhagavatāsaddhiṃ sammōdi. Sammodanīyaṃ kathamaṃ saraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnō khō vacchagotto paribbājako bhagavantaṃ etadavoca:	Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn
3. 「瞿曇！云何瞿曇作如是見、如是說：(1)『世間常，此是真實，餘則虛妄。』耶？」	“How is it, Master Gotama, does Master Gotama hold the view: ‘The world is (1) eternal : only this is true, anything else is wrong’?”	“Kiṃ nu kho, bhogotama, (1) ‘ sassato lokō, idamevasaccaṃ moghamaññānti—evaṃditṭhi bhavaṃ gotamo’ ti?”	Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Thế giới là (1) thường trú , chỉ như vậy là chọn, ngoài ra là hư vọng”?
佛告婆蹉種出家：「我不作如是見、如	-“Vaccha, I do not hold the view: ‘The	“Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃditṭhi:	Này Vaccha, Ta không có tri kiến như

3 莊春江譯：「我聽到這樣：有一次，世尊住在舍衛城祇樹林給孤獨園。」

<p>是說：『世間常，是則真實，餘則虛妄。』」</p>	<p>world is eternal: only this is true, anything else is wrong.”</p>	<p>‘sassato loko, idameva saccaṃ moghamaññaṃ”ti</p>	<p>sau: “Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng”.</p>
<p>4. 「云何瞿曇作如是見、如是說：(2)『世間無常、(3)常無常、(4)非常非無常、</p>	<p>“How then, does Master Gotama hold the view: ‘The world is (2) not eternal: only this is true, anything else is wrong’?” “Vaccha, I do not hold the view: ‘The world is not eternal: only this is true, anything else is wrong.’”</p>	<p>Kiṃ pana, bho gotama, ‘asassato loko, idameva saccaṃ moghamaññaṃ’ti—evaṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: (2)asassato loko idameva saccaṃ moghamaññaṃ”ti.</p>	<p>Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Thế giới là (2)vô thường, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng”.</p>
<p>5. (5)有邊、(6)無邊、(7)邊無邊、(8)非邊非無邊、</p>	<p>“How is it, Master Gotama, does Master Gotama hold the view: ‘The world is (5)finite: only this is true, anything else is wrong’?” -“Vaccha, I do not hold the view: ‘The world is finite: only this is true, anything else is wrong.’”</p>	<p>“Kiṃ nu kho, bho gotama, ‘(5)antavā loko, idameva saccaṃ moghamaññaṃ’ti—evaṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: ‘antavā loko, idameva saccaṃ moghamaññaṃ”ti.</p>	<p>Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Thế giới là (5)hữu biên, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng”.</p>
	<p>“How then, does Master Gotama hold the view: ‘The world is (6)infinite: only this is true, anything else is wrong’?” “Vaccha, I do not</p>	<p>Kiṃ pana, bho gotama, (6) ‘anantavā loko, idameva saccaṃ moghamaññaṃ’ti—evaṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti?</p>	<p>Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Thế giới là (6)vô biên, chỉ như vậy là chon, ngoài ra là hư vọng”?</p>

	hold the view: ‘The world is infinite: only this is true, anything else is wrong.’“	Na kho ahaṃ, vaccha , evaṃdiṭṭhi: anantavā loko, idameva saccam moghamaññan”ti.	Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.
6. (9)命即是身	“How is it, Master Gotama, does Master Gotama hold the view: (9) ‘ The soul and the body are the same : only this is true, any thing else is wrong’?” ⁱ “Vaccha, I do not hold the view: ‘The soul and the body are the same: only this is true, anything else is wrong.’”	“Kiṃ nu kho, bho gotama, (9) ‘ taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ , idameva saccam moghamaññan’ti— evaṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: ‘taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ, idameva saccam moghamaññan””ti.	Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: (9) “ Sinh mạng và thân thể là một , chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.
7. (10)命異身異，	“How then, does Master Gotama hold the view: (10) ‘ The soul is one thing and the body another : only this is true, anything else is wrong’?” “Vaccha, I do not hold the view: ‘The soul is one thing and the body another: only this is true, anything else is wrong.’“	Kiṃ pana, bho gotama, (10) ‘ aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ , idameva saccam moghamaññan’ti—evaṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ, idameva saccam moghamaññan””ti.	Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: (10) “ Sinh mạng và thân thể là khác , chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.
8. (11)如來有後死、(12)無後死、(13)有	“How is it, Master Gotama, does Master	“Kiṃ nu kho, bho gotama, (11) ‘ hoti	Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn

<p>無後死、(14)非有非無後死。』？』</p>	<p>Gotama hold the view: (11) ‘After death a Tathagata exists: only this is true, anything else is wrong’?”ⁱⁱ “Vaccha, I do not hold the view: ‘After death a Tathagata exists: only this is true, anything else is wrong.’”</p>	<p>tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’ti—ev aṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: ‘hoti tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’”ti.</p>	<p>giả Gotama có tri kiến như sau: (10) “Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.</p>
	<p>“How then, does Master Gotama hold the view: (12) ‘After death a Tathagata does not exist: only this is true, anything else is wrong’?” “Vaccha, I do not hold the view: ‘After death a Tathagata does not exist: only this is true, anything else is wrong.’”</p>	<p>“Kim pana, bho gotama, (12) ‘na hoti tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’ti—ev aṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: ‘na hoti tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’”ti.</p>	<p>Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: (12) “Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.</p>
	<p>“How is it, Master Gotama, does Master Gotama hold the view: (13) ‘After death a Tathagata both exists and does not exist: only this is true, anything else is wrong.’?” [485]</p>	<p>“Kim nu kho, bho gotama, (13) ‘hoti ca na ca hoti tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’ti—ev aṃdiṭṭhi bhavaṃ gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha,</p>	<p>Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: (13) “Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”?</p>

	“Vaccha, I do not hold the view: ‘After death a Tathagata both exists and does not exist: only this is true, anything else is wrong.’”	evaṃdiṭṭhi: ‘hoti ca na ca hoti tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’”ti.	Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.
佛告婆蹉種出家：「我不作如是見、如是說，乃至非有非無後死。」	“How then, does Master Gotama hold the view: (14) ‘ After death a Tathagata neither exists nor does not exist : only this is true, anything else is wrong?’”/ “Vaccha, I do not hold the view: ‘After death a Tathagata neither exists nor does not exist: only this is true, anything else is wrong.’”	“Kiṃ pana, bho gotama, (14) ‘ neva hoti na na hoti tathāgato param marañā , idameva saccam moghamaññan’ti—evaṃdiṭṭhi bhavam gotamo”ti? “Na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi: ‘neva hoti na na hoti tathāgato param marañā, idameva saccam moghamaññan’”ti.	Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: (14) “ Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết , chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”? Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: “Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng”.
9. 爾時，婆蹉種出家白佛言：「瞿曇！於此見，見何等過患，而於此諸見，一切不說？」	“How is it then, Master Gotama? When Master Gotama is asked each of these ten questions, <u>he replies</u> : ‘I do not hold that view.’... 【譯略，重複上述十問答】 What danger does Master Gotama see that he does not take up any of these	“Kiṃ nu kho, bho gotama, sassato loko, idameva saccam moghamaññanti—evaṃdiṭṭhi bhavam gotamo’ti iti puṭṭho samāno ‘na kho ahaṃ, vaccha, evaṃdiṭṭhi—sassato loko, idameva saccam moghamañña n’ti vadesi.....Kiṃ	Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: “Phải chăng Tôn giả Gotamacó tri kiến..... “Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng” Tôn giả Gotama thấy có

	speculative views? 不被說(惡見、過患)	pana bho gotamo ādinavaṃ sampassamāno evaṃ imāni sabbaso ditthagatāni anupagato”ti?	sự nguy hai gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?
10. 佛告婆蹉種出家：「若作是見，世間常，此則真實，餘則 虛妄 者，此是倒見、此是觀察見、此是動搖見、此是垢污見、此是結見，是苦、是[8]悶、是惱、是熱，見結所繫，愚癡無聞凡夫於未來世，生、老、病、死、憂、悲、惱、苦生。	“Vaccha, the speculative view that the world is eternal is a thicket of views, a wilderness of views, a contortion of views, a vacillation of views, a fetter of views. It is beset by suffering, by vexation, by despair, and by fever,	‘Sassato loko’ti kho, vaccha, ditthagatametamditthigahanam ditthikantāro ditthivisūkaṃ ditthivipphanditaṃ ditthisaṃyojanaṃ sadukkhaṃ savighātaṃ saupāyasaṃ sapariḷāhaṃ, na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya na abhiññāya na sambodhāya na nibbānāya saṃvattati.	Này Vaccha, nghĩ rằng: “Thế giới là thường trú”, như vậy là tà kiến , kiến trụ lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phục, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly,
【缺，參考 MA 175 : 《中阿含經》卷 45 : 「，不趣智、不趣覺、不趣涅槃，是謂受法現樂、當來受苦報。」 (CBETA 2019.Q1, T01, no. 26, p. 712c20-21)】	and it does not lead to disenchantment, to dispassion, to cessation, to peace, to direct knowledge, to enlightenment, to Nibbana.		ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.
婆蹉種出家！若作是見，世[9]間無常、常無常、非常非無常，有邊、無邊、邊無邊、非有邊非無	“The speculative view that the world is not eternal ... that the world is finite ... that the world is	‘Asassato loko’ti kho, vaccha ... pe ... ‘antavā loko’ti kho, vaccha ... pe ... ‘anantavā loko’ti	Này Vaccha, nghĩ rằng: “Thế giới là thường trú” ... “Thế giới là vô thường” ... “Thế giới là hữu

<p>邊，是命是身、命異身異，如來有後死、無後死、有無後死、非有非無後死。此是倒見，乃至憂、悲、惱、苦生。」</p>	<p>infinite ... that the soul and the body are the same ... that the soul is one thing and the body another ... that after death a Tathagata exists [486] ... that after death a Tathagata does not exist ... that after death a Tathagata both exists and does not exist ... that after death a Tathagata neither exists nor does not exist 【譯略譯略，重複上述十問答】 is a thicket of views, a wilderness of views, a contortion of views, a vacillation of views, a fetter of views. It is beset by suffering, by vexation, by despair, and by fever, and it does not lead to disenchantment, to dispassion, to cessation, to peace, to direct knowledge, to enlightenment, to Nibbana. Seeing this danger, I do not take up any of these speculative views.”</p>	<p>kho, vaccha ... pe ... ‘taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ’ti kho, vaccha ... pe ... ‘aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ’ti kho, vaccha ... pe ... ‘hoti tathāgato paraṃ maraṇā’ti kho, vaccha ... pe ... ‘na hoti tathāgato paraṃ maraṇā’ti kho, vaccha ... pe ... ‘hoti ca na ca hoti tathāgato paraṃ maraṇā’ti kho, vaccha ... pe ... ‘neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā’ti kho, vaccha, diṭṭhigata-metaṃ diṭṭhigahaṇaṃ diṭṭhikantāro diṭṭhivisūkaṃ diṭṭhivipphanditaṃ diṭṭhisamyojanaṃ sadukkhaṃ savighātaṃ saupāyāsaṃ sapaṇiḷāhaṃ, na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya na abhiññāya na sambodhāya na nibbānāya saṃvattati. Imaṃ kho ahaṃ,</p>	<p>biên” ... “Thế giới là vô biên” ... “Sinh mạng và thân thể là một” ... “Sinh mạng và thân thể là khác” ... “Như Lai có tồn tại sau khi chết” ... “Như Lai không có tồn tại sau khi chết” ... “Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết” ... Nay Vaccha, nghĩ rằng: “Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”, như vậy là tà kiến, kiến trụ lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phục, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Nay Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.</p>
--	--	--	--

		vaccha, ādīnavam sampassamāno evam imāni sabbaso ditṭhigatāni anupagato”ti.	
11. 婆蹉種出家白佛：「瞿曇！何所見？」 佛告婆蹉種出家：「如來所見已畢。婆蹉種出家！然如來見，謂見此 (i) 苦 聖諦、此苦 (ii) 集 聖諦、此苦 (iii) 滅 聖諦、此苦滅 (iv) 道 跡聖諦；	“Then does Master Gotama hold any speculative view at all?” “Vaccha, ‘speculative view’ is something that the Tathagata has put away. For the Tathagata, Vaccha, has seen ⁱⁱⁱ this: ‘Such is material (i) form , such its origin, such its disappearance; such is (ii) feeling , such its origin, such its disappearance; such (ii) perception , such its origin, such its disappearance; such are (iii) formations , such their origin, such their disappearance; such is (iv) consciousness , such its origin, such its disappearance.’”	“Atthi pana bhoto gotamassa kiñci ditṭhigatan”ti? “Ditṭhigatanti kho, vaccha, apanītametaṃ tathāgatassa. Diṭṭhañhetam, vaccha, tathāgatena: ‘iti (i) rūpam , iti rūpassa samudayo, iti rūpassa atthaṅgamo; iti (ii) vedanā , iti vedanāya samudayo, iti vedanāya atthaṅgamo; iti (iii) saññā , iti saññāya samudayo, iti saññāya atthaṅgamo; iti (iv) saṅkhārā , iti saṅkhārānaṃ samudayo, iti saṅkhārānaṃ atthaṅgamo; iti (v) viññānam , iti viññānaṃ samudayo, iti viññānaṃ atthaṅgamo’ti.	Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không? Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, đây là điều Như Lai đã thấy: “Đây là (i) sắc , đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là (ii) thọ , đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là (iii) tướng , đây là tướng tập, đây là tướng diệt; đây là (i) hành , đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là (iv) thức , đây là thức tập, đây là thức diệt”.
作如是知、如是見已，於一切見、一切受、一切生，一切我、我所見、我慢繫	Therefore, I say, with the destruction, fading away, cessation, giving up, and relinquishing of all conceivings, all	Tasmā tathāgato sabbamaññitānaṃ sabbamathitānaṃ sabbaahaṅkārama-	Do vậy, ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng của tất cả hôn mê, của tất cả ngã

<p>著使，斷滅、寂靜、清涼、真實，</p>	<p>excogitations, all I-making, mine-making, and the underlying tendency to conceit, the Tathagata is liberated through not clinging.”</p>	<p>maṅkāramānānusayā- naṃ khayā virāgā nirodhā cāgā paṭinissaggā anupādā vimuttoti vadāmī”ti.</p>	<p>kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.</p>
<p>12.</p>	<p>“When a bhikkhu’s mind is liberated thus, Master Gotama, where does he reappear [after death]?” “The term ‘reappears’ does not apply, Vaccha.”^{iv} “Then he does not reappear, Master Gotama?” “The term ‘does not reappear’ does not apply, Vaccha.” “Then he both reappears and does not reappear, Master Gotama?” “The term ‘both reappears and does not reappear’ does not apply, Vaccha.” “Then he neither reappears nor does not reappear, Master Gotama?” “The term ‘neither reappears nor does not reappear’ does not apply, Vaccha.”</p>	<p>“Evaṃ vimuttacitto pana, bho gotama, bhikkhu kuhiṃ upapajjatī”ti? “Upapajjatīti kho, vaccha, na upeti”. “Tena hi, bho gotama, na upapajjatī”ti? “Na upapajjatīti kho, vaccha, na upeti”. “Tena hi, bho gotama, upapajjati ca na ca upapajjatī”ti? “Upapajjati ca na ca upapajjatīti kho, vaccha, na upeti”. “Tena hi, bho gotama, neva upapajjati na na upapajjatī”ti? “Neva upapajjati na na upapajjatīti kho, vaccha, na upeti”.</p>	<p>Thưa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào? —Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng. —Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi? —Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng. —Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi? —Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng. —Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi? —Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.</p>
	<p>“When Master Gotama is asked these four questions, he replies: ‘The term “reappears” does not apply, Vaccha; the term “does not</p>	<p>“Evaṃ vimuttacitto pana, bho gotama, bhikkhu kuhiṃ upapajjatī”ti iti puṭṭho samāno ‘upapajjatīti kho, vaccha, na upeti’ti vadesi. ‘Tena hi, bho gotama, na</p>	<p>Khi được hỏi: “Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?”, Tôn giả đáp: “Sanh khởi, này Vaccha, không có áp</p>

	<p>reappear” does not apply, Vaccha; the term “both reappears and does not reappear” does not apply, Vaccha; the term “neither reappears nor [487] does not reappear” does not apply, Vaccha.’</p> <p>Here I have fallen into bewilderment, Master Gotama, here I have fallen into confusion, and the measure of confidence I had gained through previous conversation with Master Gotama has now disappeared.”</p>	<p>upapajjatī’ti iti puṭṭho samāno ‘na upapajjatīti kho, vaccha, na upeṭī’ti vadesi. ‘Tena hi, bho gotama, upapajjati ca na ca upapajjatī’ti iti puṭṭho samāno ‘upapajjati ca na ca upapajjatīti kho, vaccha, na upeṭī’ti vadesi. ‘Tena hi, bho gotama, neva upapajjati na na upapajjatī’ti iti puṭṭho samāno ‘neva upapajjati na na upapajjatīti kho, vaccha, na upeṭī’ti vadesi. Etthāham, bho gotama, aññānamāpādiṃ, ettha sammohamāpādiṃ. Yāpi me esā bho gotamassa purimena kathāsallāpena ahu pasādamattā sāpi me etarahi antarahitā”ti.</p>	<p>dụng”. Khi được hỏi: “Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?” Tôn giả đáp: “Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng”. Khi được hỏi: “Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?”, Tôn giả đáp: “Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng”. Khi được hỏi: “Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?”, Tôn giả đáp: “Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng”. Thừa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại, nay đã biến mất nơi tôi.</p>
13.	“It is enough to cause you	“Alañhi te, vaccha, aññāṇāya, alaṃ	Này Vaccha, thôi vờ ròi, vô tri của Ông!

<p>[缺]</p> <p>如是等解脫。比丘！ 生者不然，不生亦不 然。」</p>	<p>bewilderment, Vaccha, enough to cause you confusion. For this Dhamma, Vaccha, is profound, hard to see and hard to understand, peaceful and sublime, unattainable by mere reasoning, subtle, to be experienced by the wise. t is hard for you to understand it when you hold another view, accept another teaching, approve of another teaching, pursue a different training, and follow a different teacher. [缺]</p>	<p>sammohāya. Gambhīro hāyaṃ, vaccha, dhammo duddaso duranubodho santo paṇīto atakkāvacaro nipuṇo paṇḍitaveda- nīyo. So tayā dujjāno aññadiṭṭhikena aññakhantikena aññarucikena aññatra yogenaaññatrācariya- kena.</p>	<p>Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Nay Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, đạo sư khác.</p>
<p>婆蹉白佛：「瞿曇！ 何故說言生者不 然？」</p>	<p>So I shall question you about this in return, Vaccha.</p>	<p>Tena hi, vaccha, taññevettha paṭi- pucchissāmi;</p>	<p>Và này Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông.</p>
<p>佛告婆蹉：「我今問 汝，隨意答我。」</p>	<p>Answer as you choose.</p>	<p>yathā te khameyya tathā naṃ byākareyyāsi.</p>	<p>Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn.</p>
<p>14. 婆蹉！猶如有人 於汝前然火，汝見火 [*]然不？</p>	<p>“What do you think, Vaccha? Suppose a fire were burning before you. Would you know: ‘This fire is burning before me?’” “I would, Master Gotama.”</p>	<p>Taṃ kiṃ maññasi, vaccha, sace te purato aggi jaleyya, jāneyyāsi tvaṃ: ‘ayaṃ me purato aggi jalatī’”ti? “Sace me, bho gotama, purato aggi jaleyya, jāneyyāham:</p>	<p>Này Vaccha, Ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: “Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?” Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ</p>

		‘ayaṃ me purato aggi jalatī’”ti.	trước mặt tôi, tôi có biết: “Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi”?
[缺]	<p>“If someone were to ask you, Vaccha: ‘What does this fire burning before you burn in dependence on?’ - being asked thus, what would you answer?”</p> <p>“Being asked thus, Master Gotama, I would answer: ‘This fire burning before me burns in dependence on grass and sticks.’”</p>	<p>“Sace pana taṃ, vaccha, evaṃ puccheyya: ‘yo te ayaṃ purato aggi jalati ayaṃ aggi kiṃ paṭicca jalatī’”ti, evaṃ puṭṭho tvāṃ, vaccha, kinti byākareyyāsī’”ti?</p> <p>“Sace maṃ, bho gotama, evaṃ puccheyya: ‘yo te ayaṃ purato aggi jalati ayaṃ aggi kiṃ paṭicca jalatī’”ti, evaṃ puṭṭho ahaṃ, bho gotama, evaṃ byākareyyaṃ: ‘yo me ayaṃ purato aggi jalati ayaṃ aggi tiṇakatṭhupādānaṃ paṭicca jalatī’”ti.</p>	<p>Nhưng nếu, này Vaccha, có người hỏi Ông như sau: “Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?”, nếu được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời như thế nào?</p> <p>Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: “Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?”, nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: “Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do duyên nhiên liệu cỏ và củi”.</p>
即於汝前火滅，汝見火滅不？」	“If that fire before you were to be extinguished, would you know: ‘This fire before me has been extinguished’?”	“Sace te, vaccha, purato so aggi nibbāyeyya, jāneyyāsi tvāṃ: ‘ayaṃ me purato aggi nibbuto’”ti?	Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: “Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi”?
婆蹉白佛：「如是，瞿曇！」	“I would, Master Gotama.”	“Sace me, bho gotama, purato so aggi nibbāyeyya, jāneyyāhaṃ:	Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: “Ngọn lửa này

		‘ayaṃ me purato aggi nibbuto’”ti.	đã tắt trước mặt tôi”.
佛告婆蹉：「若有人問汝：『向者火然，今在何處？為東方去耶？西方、南方、北方去耶？』如是問者，汝云何[1]說？」	“If someone were to ask you, Vaccha: ‘When that fire before you was extinguished, to which direction did it go: to the east, the west, the north, or the south?’ - being asked thus, what would you answer?”	“Sace pana taṃ, vaccha, evaṃ puccheyya: ‘yo te ayaṃ purato aggi nibbuto so aggi ito katamaṃ disaṃ gato—puratthimaṃ vā dakkhiṇaṃ vā pacchimaṃ vā uttaraṃ vā’ ti, evaṃ puṭṭho tvaṃ, vaccha, kintibyākareyyāsī”ti?	Này Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: “Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?” ,được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời thế nào?
婆蹉白佛：「瞿曇！若有來作如是問者，我當作如是答：『若有於我前然火，薪草因緣故然，若不增薪，火則永滅，不復更起，東方、南方、西方、北方去者，是則不然。』」	“That does not apply, Master Gotama. The fire burned in dependence on its fuel of grass and sticks. When that is used up, if it does not get any more fuel, being without fuel, it is reckoned as extinguished.”	“Na upeti, bho gotama, yañhi so, bho gotama, aggi tiṇakatṭhupādānaṃ paṭicca ajali tassa ca pariyaḍānā aññassa ca anupahārā anāhāro nibbutotveva saṅkhyāṃ gacchatī”ti.	Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.
15. 佛告婆蹉：「我亦如是說：『色已斷已知，受、想、行、識已斷已知，斷其根本，如截多羅樹頭，無復生分，於未來世永不復起。』」	“So too, Vaccha, the Tathagata has abandoned that material form by which one describing the Tathagata might describe him; ^v he has cut it off at the root, made it like a palm stump, done away with it so that it is no longer subject	“Evameva kho, vaccha, yena rūpena tathāgataṃ paññāpayamāno paññāpeyya taṃ rūpaṃ tathāgatassa pahīnaṃ ucchinnaṃ tālāvatthukataṃ anabhāvaṃ katamā āyatim anuppāda-dhammaṃ.	Cũng vậy, này Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

	to future arising.		
若至東方，南、西、北方，是則不然，甚深廣大，無量，無數，永滅。』	The Tathagata is liberated from reckoning in terms of material form, Vaccha, he is profound, immeasurable, unfathomable like the ocean.	Rūpasāṅkhaya-vimutto kho, vaccha, tathāgato gambhīro appameyyo duppariyogāḷho-seyyathāpi mahāsamuddo.	Giải thoát khỏi cái gọi là sắc, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.
[缺]	The term ‘reappears’ does not apply, the term ‘does not reappear’ does not apply, [488] the term ‘both reappears and does not reappear’ does not apply, the term ‘neither reappears nor does not reappear’ does not apply. ^{vi} The Tathagata has abandoned that feeling by which one describing the Tathagata might describe him ... has abandoned that perception by which one describing the Tathagata might describe him ... has abandoned those formations by which one describing the Tathagata might	Upapajjatīti na upeti, na upapajjatīti na upeti, upapajjati ca na ca upapajjatīti na upeti, neva upapajjati na na upapajjatīti na upeti. Yāya vedanāya tathāgataṃ paññāpayamāno paññāpeyya sā vedanā tathāgatassa pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā anabhāvaṅkatā āyatim anuppādadhammā. Yāya vedanāya tathāgataṃ paññāpayamāno paññāpeyya sā vedanā tathāgatassa pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā anabhāvaṅkatā āyatim anuppādadhammā. Vedanāsāṅkhaya-vimutto kho, vaccha, tathāgato gambhīro appameyyo duppariyogāḷho—sey	Do thọ này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là thọ, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng. Do tướng này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tướng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây

	<p>describe him ... has abandoned that consciousness by which one describing the Tathagata might describe him; he has cut it off at the root, made it like a palm stump, done away with it so that it is no longer subject to future arising. The Tathagata is liberated from reckoning in terms of consciousness, Vaccha; he is profound, immeasurable, unfathomable like the ocean. The term ‘reappears’ does not apply, the term ‘does not reappear’ does not apply, the term ‘both reappears and does not reappear’ does not apply, the term ‘neither appears nor does not appear’ does not apply.”</p>	<p>yathāpi mahāsamuddo. Upapajjatīti na upeti, na upapajjatīti na upeti, upapajjati ca na ca upapajjatīti na upeti, neva upapajjati na na upapajjatīti na upeti. Yāya saññāya tathāgatam paññāpayamāno paññāpeyya sā saññā tathāgatassa pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā anabhāvaṅkatā āyatim anuppādadhammā. Saññāsaṅkhaya-vimutto kho, vaccha, tathāgato gambhīro appameyyo duppariyogāḷho—sey yathāpi mahāsamuddo. Upapajjatīti na upeti, na upapajjatīti na upeti, upapajjati ca na ca upapajjatīti na upeti, neva upapajjati na na upapajjatīti na upeti. Yehi saṅkhārehi tathāgatam paññāpayamāno paññāpeyya te saṅkhārā tathāgatassa pahīnā ucchinnamūlā tālāvatthukatā anabhāvaṅkatā āyatim anuppādadhammā. Saṅkhārasaṅkhaya-vimutto kho, vaccha, tathāgato gambhīro appameyyo duppariyogāḷho—sey yathāpi mahāsamuddo.</p>	<p>tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là tướng, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do những hành này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát những cái gọi là hành, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng. Do thức này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm</p>
--	---	--	---

		<p>Upapajjatīti na upeti, na upapajjatīti na upeti, upapajjati ca na ca upapajjatīti na upeti, neva upapajjati na na upapajjatīti na upeti.</p> <p>Yena viññāṇena tathāgataṃ paññāpayamāno paññāpeyya taṃ viññāṇaṃ tathāgatassa pahīnaṃ ucchinnamūlaṃ tālāvatthukataṃ anabhāvaṅkataṃ āyatim anuppāda-dhammaṃ. Viññāṇa-saṅkhayavimutto kho, vaccha, tathāgato gambhīro appameyyo duppariyogāḷho—sey yathāpi mahāsamuddo. Upapajjatīti na upeti, na upapajjatīti na upeti, upapajjati ca na ca upapajjatīti na upeti, neva upapajjati na na upapajjatīti na upeti”ti.</p>	<p>cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.</p>
<p>婆蹉白佛：「我當說譬。」 佛告婆蹉：「為知是時。」</p>	[缺]		
<p>16. 婆蹉白佛：「瞿曇！譬如近城邑聚落，有好淨地，生堅固林，有一大堅固樹，其生[2]已來經數千歲，日夜既久，枝葉零落，皮膚枯朽，唯幹獨立。」</p>	<p>When this was said, the wanderer Vacchagotta said to the Blessed One: “Master Gotama, suppose there were a great sala tree not far from a village or town, and impermanence wore</p>	<p>Evam vutte, vacchagotto paribbājako bhagavantam etadavoca: “seyyathāpi, bho gotama, gāmassa vā nigamassa vā avidūre mahāsālarukkho. Tassa</p>	<p>Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi</p>

	away its branches and foliage, its bark and sapwood, so that on a later occasion, being divested of branches and foliage, divested of bark and sapwood, it became pure, consisting entirely of heartwood;	aniccatā sākḥāpalāsā palujjeyyum , tacapapaṭikā palujjeyyum, pheggū palujjeyyum; so aparena samayena apagatasākḥāpalāso apagatatacapapaṭiko apagataphegguko suddho assa, sāre patiṭṭhito;	rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh chỉ còn lại lõi cây.
如是，瞿曇！ 如來法、律離諸枝條 柯葉，唯空幹堅固獨 立。」	so too, this discourse of Master Gotama’s is divested of branches and foliage, divested of bark and sapwood, and is pure, consisting entirely of heartwood.	so aparena samayena apagatasākḥāpalāso apagatatacapapaṭiko apagataphegguko suddho assa, sāre patiṭṭhito; evameva bhoto gotamassa pāvacaṇaṃ apagatasākḥāpalāsaṃ apagatatacapapaṭikaṃ apagatapheggukaṃ suddhaṃ, sāre patiṭṭhitaṃ.	Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại lõi cây.
17. [缺]	“Magnificent, Master Gotama! Magnificent, Master Gotama! Master Gotama has made the Dhamma clear in many ways, as though he were turning upright what had been overthrown, revealing what was hidden, showing the way to one who was lost, or holding up a	Abhikkantaṃ, bho gotama ... pe ...	Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

	<p>lamp in the dark [489] for those with eyesight to see forms. I go to Master Gotama for refuge and to the Dhamma and to the Sangha of bhikkhus. From today let Master Gotama remember me as a lay follower who has gone to him for refuge for life.”</p>	<p>upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saranam gatan”ti.</p>	<p>Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Tôngiả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.</p>
<p>爾時，婆蹉出家聞佛所說，歡喜隨喜，從坐起去。」</p>	<p>【缺】</p>	<p>Kim pana, bho gotama, na hoti tathāgato... gotamo’ti iti puṭṭho samāno ‘na kho ahaṃ, vaccha, evaṃditṭhi— neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā, idameva saccam moghamaññan’ti vadasi.</p>	

依據上面所對讀的文本內容，筆者認為有兩個點要注意：

（一）《雜阿含經》的內容有幾個區塊與南傳經典相應的：

在第 2 區，此二者，提出人物指的是佛陀與婆蹉對話，他們的對話有一些思想是一樣的。譬如在第 9 區說「過患」等於 speculative views- **ditthigatāni**（不被說）的意思。

（二）《雜阿含經》的內容有幾個區塊與南傳經典不相應的區塊：

在第 1 區，《雜阿含經》說「佛住王舍城迦蘭陀竹園。」而在 Bhikkhu Sujato 的英巴本的記載：「the Blessed One was living at Savatthi in Jeta’s Grove, Anathapindika’s Park.」，這表現地點不一樣，一邊說是佛住王舍城，一邊說佛住舍衛城祇樹林給孤獨園。除了地點不一樣之外，在義理思想上亦有問題。如從第 3 區至第 8 區，《雜阿含.九六二經》

提到十四無記，但是在 *Majjhimanikāya 72* 〈 *Aggivacchasutta* 〉的英譯只是說十無記，其缺兩個，在十四無記的巴利注釋把「如來」解釋成 *seṭṭhi*。接著在第 9 區也是，見到《雜阿含》的記載：「見何等過患，而於此諸見，一切不說？」，就是說當 *Vacchagotta* 問佛陀關於無記的問題，佛陀就回答說不需要考慮到世界常的，眾生有我，無我的問題。此可見佛陀說「不可討論」是因為有他的意圖在。根據 *Majjhimanikāya 72* 〈 *Aggivacchasutta* 〉的英巴有寫說「見」的對應巴利文是 *diṭṭhigatāni*，英文 *speculative views*（不被說 [惡見、過患]），可見是這是一種『過患』的意思。不過在第 10 區有一個小問題，漢譯經指出所「見」的見解是「虛妄」的：「若作是見，世間常，此則真實，餘則虛妄者，此是倒見、此是觀察見、此是動搖見、此是垢污見…」，那早期經典出所見的「見」的對應巴利文是 *diṭṭhigatāni*、*diṭṭhigahanam*、*diṭṭhikantāro*、*diṭṭhivisūkam* *diṭṭhivipphanditam* *diṭṭhisam*，英文 *speculative views*（不被說 [惡見、過患]），可見這是一種『過患』的意思，其意思與「虛妄」的意思差不多。另外英巴文本提出：“and it does not lead to disenchantment, to dispassion, to cessation, to peace, to direct knowledge, to enlightenment, to Nibbana”（離欲、盡滅、寂靜、證智、正覺、涅槃），但是在雜阿含少了一塊，不過莊春江說可以參考 MA 175 經⁴或者參考別義雜阿含經：復告犢子：「世間常無常，亦常無常，非常非無常。世界有邊，及以無邊，亦有邊亦無邊，非有邊非無邊。眾生神我，死此生彼，若有若無，亦有亦無，非有非無，非非有非非無。若有人計斯見者，名為[*]愚，亦名無聞，亦名凡夫，增長生死煩惱垢污，能令行人受[*][火*]烝熱，生諸憂患，無有安樂。以是義故，我於此見，無所執著。」

此外，在第 11 區《雜阿含.九六二經》查對時，發現也有共同點，如說四聖諦：「如來所見已畢。婆蹉種出家！然如來見，謂見此苦聖諦、此苦集聖諦、此苦滅聖諦、此苦滅道跡聖諦」，可是在南傳大藏經的記載說是五蘊（*form*，*feeling*，*perception*，*formations*，*consciousness*）-*rūpam*，*vedanā*，*saññā*，*saṅkhārā*，*viññānam*）。

4 《中阿含經》卷 45:「不趣智、不趣覺、不趣涅槃，是謂受法現樂、當來受苦報。」(CBETA 2019.Q1, T01, no. 26, p. 712c20-21)

另外《雜阿含經. 九六二》：「作如是知、如是見已，於一切見、一切受、一切生，一切我、我所見、我慢繫著使，斷滅、寂靜、清涼、真實」這段經文看不懂，而在巴利文很特別：“Therefore, I say, with the destruction, fading away, cessation, giving up, and relinquishing of all conceivings, all excogitations, all I-making, mine-making, and the underlying tendency to conceit, the Tathagata is liberated through not clinging.” 照我跟我所，然後不執著而解脫。復次，第 12 區：《雜阿含經》提出「如是等解脫。比丘!生者不然，不生亦不然」，這去在南傳大藏經沒看到。最後第 17 區特別看到漢譯沒有提到弟子們聆聽佛說法之後就向佛皈依⁵。但是依據南傳經點的記載說婆蹉聽法之後馬上向佛頂禮歸依，發願終生歸向佛陀。⁶

因此，二者南北經典對讀後，只有一點點的落差，但是其內容均說凡聖之見解，不過筆者有一點懷疑，譬如為什麼漢譯經典翻成四聖諦，難道四聖諦與五蘊有關係嗎？

三、南北經典之差異對修行者的影響

筆者認為沒差，反而互相影響而更提高佛陀的法有這麼多樣性。佛教在印度已經兩千多年的歷史，然後廣泛至不同的地區，加上融合在地的國家文化，所以產生許多佛教教派。南傳佛教主要閱讀巴利經典。北傳佛教以漢傳經典為代表。為了探究這兩個南北經典之間的關係，其如何對修行者是否影響，筆者進一步將《雜阿含經》與南傳英譯本 Aggivacchagotta Sutta - To Vacchagotta on Fire 中所討論的四聖諦與五蘊整理如表下：

5 《雜阿含經》卷 34：「爾時，婆蹉出家聞佛所說，歡喜隨喜，[A2]從坐起去。」(CBETA 2019.Q1, T02, no. 99, p. 246a16-18)[A2]：從【CB】【麗-CB】，彼【大】

《別譯雜阿含經》卷 10：「佛言：「宜知是時。」犢子梵志聞佛所說，歡喜而去。」(CBETA 2019.Q1, T02, no. 100, p. 445c7-8)

6 upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gatan”ti (From today let Master Gotama remember me as a lay follower who has gone to him for refuge for life.”)

五 蘊	四聖諦				結果	
	苦聖諦	苦集聖諦	苦滅聖諦	苦滅道諦	見已	斷滅、 寂靜
1.色	such is material	such its origin	such its disappearance		已斷 已知	解脫
2.受	such is feeling	such its origin	such its disappearance			
3.想	such is perception	such its origin	such its disappearance			
4.行	such is formations	such their origin	such their disappearance			
5.識	such is consciousness	such their origin	such their disappearance			

依據以上的表格，發現聖者見到苦聖諦就等於知道這是色、受、想、行、識的苦，見到苦集聖諦就是知道這樣是色、受、想、行、識的集起，見到苦滅聖諦應該是色、受、想、行、識的滅，所以見到四聖諦與五蘊就是已斷已知，此道解脫的結果。雖然南傳佛教承續與原始佛教的經典，但是漢傳佛教亦從初期與中期印度佛教的。總之，不管漢譯或英譯或著其他譯本，也許翻譯的過程有一些問題，但是經典內容的差異不大，也不會影響道修行解脫的道路。

四、結論

總而言之，《雜阿含經》是現存公認最早集結的佛法基本原典，也是佛法的母體，亦是研究佛法的基礎。研究此原典來把握佛陀思想的精隨，最為適當。透過對讀文獻，比較一目了然，知道南、北傳諸譯本之異同。無論是漢傳藏經或是南傳經典的角度，佛陀說凡夫者所「見」的都包含十四無記的見解，而聖者已見到四聖諦與五蘊的見解。在漢譯《雜阿含.九六二經》中佛陀說若如是「見」：世間常、世間無常、常無常、非常非無常、有邊、無邊、邊無邊、非邊非無邊、命即是身、命異身異、如來有後死、無後死、有無後死、非有非無後死，此是倒見，此是觀察見，此是動搖見，垢污見；此是結見，是苦悶惱熱見結所繫的這些見解是導致生死輪迴之苦，這些見是凡夫的一種過患。

在英譯 To Vacchagotta on Fire 中，佛陀只說十無記：(1) eternal、(2) not eternal、(5)Finite、(6)Infinite、(9) ‘The soul and the body are the same、(10) ‘The soul is one thing and the body another、(11) ‘After death a Tathagata exists、(12) ‘After death a Tathagata does not exist、(13) ‘After death a Tathagata both exists and does not exist、(14) ‘After death a Tathagata neither exists nor does not exist。這十無記的見解是惡見，見中之束縛，隨伴著苦惱，而不導向涅槃。除此，在漢譯與英譯指聖者所「見」的四聖諦及五蘊的，從滅盡、離欲、盡滅、捨棄、斷念、聖者由覺知到了這種過患，使不採取任何這些惡見而為解脫。

五、參考資料

1. 雜阿含經. 九六二》卷 34 (CBETA 2019.Q1, T02, no. 99, p. 245c20-26) .
2. <https://suttacentral.net/search> , With Vacchagotta - Bhikkhu Sujato 譯 .
3. Majjhimanik ā ya72 Aggivacchasutta .
4. 越文： 72 Kinh Dạy Vacchagotta v ề Lửa - 明珠法師 譯.
5. To Vacchagotta on Fire , Bhikku Sujato .
6. DEDU. 對讀工具

ⁱ The view that the soul (jiva) and the body are the same is materialism, which reduces the soul to the body. The following view that the soul and the body are different is an eternalist view, which regards the soul as a persisting spiritual principle that can exist independently of the body.

ⁱⁱ The view that a Tathagata exists after death is a form of eternalism that regards the Tathagata, or spiritually perfect individual, as possessing a self that attains eternal deliverance after the death of the body. The view that a Tathagata does not exist after death also identifies the Tathagata as self, but holds that this self is annihilated upon the death of the body. The third view attempts a synthesis of these two, which the Buddha rejects because both components involve a wrong view. The fourth view seems to be a sceptical attempt to reject both alternatives or to avoid taking a definite stand.

ⁱⁱⁱ In the Pali a word play is involved between ditthigata, “speculative view,” which the

Tathagata has put away, and dittha, what has been “seen” by the Tathagata with direct vision, namely, the rise and fall of the five aggregates.

^{iv} MA says that “does not reappear” actually does apply, in the sense that the arahant does not undergo a new existence. But if Vacchagotta were to hear this he would misapprehend it as annihilationism, and thus the Buddha denies that it applies in the sense that annihilation is not a tenable position.

^v MA says this is the material form by which one would describe the Tathagata as a being (or self) possessing material form. MT adds that the material form has been abandoned by the abandonment of the fetters connected with it, and it has thus become incapable of arising again in the future.

^{vi} This passage should be connected with the simile of the extinguished fire. Just as the extinguished fire cannot be described as having gone to any direction, so the Tathagata who has attained to final Nibbana cannot be described in terms of the four alternatives. The simile concerns solely the legitimacy of conceptual and linguistic usage and is not intended to suggest, as some scholars have held, that the Tathagata attains to some mystical absorption in the Absolute. The words “profound, immeasurable, unfathomable” point to the transcendental dimension of the liberation attained by the Accomplished One, its inaccessibility to discursive thought.